

Bản án số: 54/2017/HSST
Ngày: 29 - 9 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Liên;
2. Bà Vũ Thu Trà.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Ngọc Huy - là Thư ký
Toà án nhân dân huyện Kim Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2017/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/HSST-QĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Hữu H**, sinh năm 1997.

Sinh trú quán: thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc : Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 09/12; con ông: Trần Hữu B, con bà: Trần Thị H; Vợ: Vũ Thị N, sinh năm 1998; Con: Trần Thị Hà L, sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 04/6/2017, chuyển tạm giam ngày 06/6/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên.(Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lê Thị Đ - sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Trần Thị H - sinh năm 1966. (Có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

+ Anh Trương Văn T - sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn C, xã B, TP H, tỉnh Hưng Yên.

+ Anh Trịnh Văn T - sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
+ Anh Trần Hữu Đ - sinh năm 1998. (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
+ Nguyễn Văn T - sinh năm 1994. (Vắng mặt)
Trú tại: Đội 7, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
+ Chị Vũ Thị H - sinh năm 1998. (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 02/6/2017 tại nhà nghỉ P ở thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên, Trần Hữu H đã có hành vi bán trái phép 04 gói ma túy đá có trọng lượng là 0,135 gam đều có Methamphetamine cho Trương Văn T, thu được của T 1.000.000 đồng. Khám xét khẩn cấp nơi H thuê ở tại nhà nghỉ P, thu được 0,880 gam đều có Methamphetamine do Trần Hữu H tự nguyện giao nộp.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Hữu H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể:

Do mắc nghiện ma túy, chiều ngày 25/5/2017 H mua ma túy đá một người đàn ông là Ân (không biết rõ họ tên, địa chỉ của Ân ở đâu, chỉ biết tên là Ân; Ân là bạn bè xã hội của H) hết 2.000.000 đồng. Sau đó, H cất số ma túy đá trên vào người và đi về phòng 302, nhà nghỉ P (là phòng H thuê ở trọ), Khi về đến phòng 302 của nhà nghỉ P, H dùng ống hút bằng nhựa san số ma túy vừa mua được thành 11 túi nilon nhỏ.

Đến khoảng 16 giờ ngày 02/6/2017, khi H đang ở phòng 302 của nhà nghỉ P cùng với Trần Hữu Đ (Đ là em họ của H) thì Trương Văn T, sinh năm 1984 trú tại thôn C - Bảo Khê - TP H - tỉnh Hưng Yên gọi điện thoại cho H để mua ma túy đá của H, số điện thoại của H là 0984690XXX, số điện thoại của T là 0917793XXX. T nói với H “*để cho anh 01g*”, H hiểu ý của T là muốn mua của H 01 gam ma túy đá, H đồng ý và thống nhất giá tiền 01 gam ma túy đá với T là 1.000.000 đồng. Sau đó H hẹn T đến nhà nghỉ P để trao đổi bán ma túy đá. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T đi cùng Trịnh Văn T, sinh năm 1981 trú tại thôn T - xã H - huyện K - tỉnh H đến nhà nghỉ P để gặp H, đến nơi T gọi điện cho H, H bảo T thuê phòng ngồi chờ H. T và T thuê phòng 201 của nhà nghỉ P và ngồi chờ H, H san một ít ma túy đá từ số ma túy đá của H rồi cầm theo người và rủ Đ đi xuống phòng 201 gặp T. Khi xuống đến phòng 201 thì H và Đ gặp Trương Văn T và Trịnh Văn T, H bỏ số ma túy đá mang theo ra rồi tất cả cùng nhau sử dụng ma túy. Khi đang sử dụng ma túy thì Trương Văn T bảo Trịnh Văn T đưa tiền cho Trương Văn T, Trịnh Văn T lấy trong người ra 1.000.000 đồng đưa cho Trương Văn T, Trương Văn T cầm tiền đặt lên bàn và bảo Hải là “*tiền đây*”, H hiểu ý của T đó là tiền T trả cho H để mua ma túy đá của

H. H cầm tiền của T sau đó nói với T “ *anh đi lên đây em đưa đồ cho*”, T hiểu ý của H là đi theo H để H đưa ma túy đá cho mình. Sau đó, H, T và Đ đi lên phòng 302 của nhà nghỉ còn Trịnh Văn T đi xuống dưới. Khi lên đến cửa phòng 302 thì Hải bảo T và Đ đứng ở ngoài chờ còn H một mình đi vào phòng lấy 05 túi nilon bên trong chứa chất kết tinh màu trắng rồi cầm đi ra ngoài cửa phòng, lúc này Đ và T vẫn đứng đây, H đưa cho T 03 túi nilon ma túy đá, T thấy ít bảo H đưa thêm 01 túi nilon nữa, H đồng ý và đưa thêm cho T 01 túi nilon ma túy đá nữa. T cầm 04 túi nilon H đưa, kiểm tra và nhận thức đó là ma túy đá. Sau khi bán ma túy cho T thì H cất 01 túi nilon ma túy đá tại phòng rồi H đi chơi. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Đ đi về nhà còn H về phòng 302 và lấy 01 túi ma túy đá ra sử dụng hết, sau đó H lấy 06 túi ma túy đá còn lại ra cho vào vỏ bao diêm và mang ra cất giấu tại bậc cầu thang số 8 lối từ tầng 3 lên tầng 4 của nhà nghỉ.

Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 02/6/2017, khi Trương Văn T, Trịnh Văn T đang sử dụng trái phép chất ma túy tại khu vực Quỹ tín dụng nhân dân thuộc thôn M, xã S, huyện K, tỉnh Hưng Yên thì bị tổ công tác Công an huyện Kim Động làm nhiệm vụ phát hiện thu giữ tại chỗ ngồi của hai đối tượng Trương Văn T, Trịnh Văn T 01 chai nhựa phần nắp chai có gắn 01 ống thủy tinh có 01 đầu hình tròn, 01 bật lửa, thu tại túi quần bên phải đang mặc của Trịnh Văn T 01 túi nilon bên trong có chứa các tinh thể màu trắng (niêm phong ghi MT1), Trịnh Văn T khai nhận đó là ma túy đá vừa mua của Trần Hữu H,

Đến 13 giờ ngày 03/6/2017 khi H đang ngủ ở phòng 302 của nhà nghỉ P thì lực lượng công an huyện Kim Động thi hành lệnh khám xét khẩn cấp đối với H. Tại đây H đã tự nguyện giao nộp 06 gói tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu MT2) do H cất giấu ở trong vỏ bao diêm Thống Nhất để ở bậc cầu thang số 8 lối cầu thang từ tầng 3 lên tầng 4, H khai nhận đây là ma túy đá; ngoài ra còn thu giữ của H 01 chiếc kéo bằng kim loại dài 8,5cm; 01 ống nhựa dài 10,5 cm; 01 ống nhựa dài 06cm một đầu được gắn với 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (tờ tiền được quấn tròn); 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen, máy lắp 01 sim (sim đã bị cắt), H khai các dụng cụ dùng để sử dụng ma túy và điện thoại liên lạc bán ma túy. Số tiền 1.000.000 đồng có được do bán ma túy cho Trương Văn T, Trịnh Văn T, H đã tiêu sài cá nhân hết.

Bản kết luận giám định số 2809/C54(TT2) ngày 23/6/2017 của trung tâm giám định ma túy -Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận:

- Chất tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon trong phong bì niêm phong ký hiệu MT1 có trọng lượng là: 0,135 gam, có Methamphetamine.
- Chất tinh thể màu trắng trong 6 túi nilon trong phong bì niêm phong ký hiệu MT2 có tổng trọng lượng là: 0,880 gam đều có Methamphetamine.
- Hoàn lại đối tượng giám định gồm: Mẫu ký hiệu MT1: 0,078 gam mẫu có Methamphetamine; Mẫu ký hiệu MT2: 0,573 gam mẫu có Methamphetamine.

Tại bản Cáo trạng số 52/QĐ - VKS - HS ngày 07/9/2017, VKSND huyện Kim Động truy tố Trần Hữu H về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy ” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của những người liên quan, người làm chứng, biên bản khám xét và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Hữu H về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy ” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuyên bố: Trần Hữu H phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy ”. Xử phạt: bị cáo Trần Hữu H từ 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tính từ ngày 04/6/2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu cho hủy bỏ vật chứng hoàn lại sau giám định trong phong bì niêm phong; 01 chiếc kéo bằng kim loại dài 8,5cm; 01 ống nhựa dài 10,5cm; 01 ống nhựa dài 06cm; 01 coóng bằng thủy tinh; 01 chai nhựa và 01 bật lửa ga; 01 sim điện thoại.

Tịch thu cho đấu giá sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại Nokia màu đen đã cũ; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.000 đồng.

Truy thu của bị cáo H 1.000.000 đồng sung quỹ Nhà Nước.

Áp dụng Điều 357 BLDS: Kể từ ngày bản án hình sự có hiệu lực pháp luật, bị cáo chưa thi hành được khoản tiền truy thu sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kim Động, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Trần Hữu H đã có hành vi bán trái phép 04 gói ma túy đá có trọng lượng là 0,135 gam đều có Methamphetamine cho Trương Văn T, thu được của T 1.000.000 đồng. Khám xét khẩn cấp thu được tại nhà nghỉ P 0,880 gam đều có Methamphetamine, Methamphetamine là ma túy nằm trong danh mục II, STT: 67, Nghị định 82/2013/NĐ - CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ theo Kết luận giám định số 2809/C54(TT2) ngày 23/6/2017 của trung tâm giám định ma túy -Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người thành niên buộc phải nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm các quy định của Nhà nước về chế độ quản lý các chất ma túy. Bản thân bị cáo nghiện ma túy, biết rất rõ hành vi sử dụng ma túy làm ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, là nguyên nhân gây ra những tệ nạn xã hội khác, đe dọa nghiêm trọng đến trật tự công cộng, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương, nhưng để thỏa mãn cơn nghiện và nhằm mục đích tư lợi, bị cáo đã cố ý phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy, cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện và răn đe kẻ khác.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 500.000.000 đồng”, nhưng bị cáo nghiện ma túy, không có tài sản riêng và không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với người đàn ông tên là Ân đã bán ma túy đá cho H, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Kim Động đã tiến hành điều tra xác minh nhưng không xác định được để xử lý.

Đối với Trương Văn T và Trịnh Văn T là hai đối tượng mắc nghiện chất ma túy, có hành vi mua ma túy đá của H để sử dụng. Tuy nhiên số ma túy đá chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Công an huyện Kim Động đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trương Văn T và Trịnh Văn T là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Trần Hữu Đ, khi Trương Văn T đưa 1.000.000 đồng cho H và khi H đưa ma túy đá cho T đều chứng có mặt và chứng kiến, Đ có dấu hiệu của tội không tố giác tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã nhiều lần triệu tập Đ để làm việc nhưng Đ không có mặt tại địa phương và không xác định được Đ đi đâu, làm gì. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hành vi của Đ, khi nào triệu tập được, làm rõ hành vi của Đ sẽ có hình thức xử lý sau.

Đối với chị Lê Thị Đ là chủ nhà nghỉ P đã được cấp giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh cho thuê lưu trú (nhà nghỉ) nên việc cho H thuê nhà nghỉ là hợp pháp, mặt khác khi H, Đ, Trương Văn T và Trịnh Văn T sử dụng trái phép chất ma túy và bán trái phép chất ma túy tại nhà nghỉ P, chị Đ không biết nên không có hình thức xử lý đối với chị Đ là đúng quy định của pháp luật.

Về vật chứng: vật chứng hoàn lại sau giám định trong phong bì niêm phong; 01 chiếc kéo bằng kim loại dài 8,5cm; 01 ống nhựa dài 10,5 cm; 01 ống nhựa dài 06cm; 01 coóng bằng thủy tinh; 01 chai nhựa; 01 bật lửa ga, là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội và bị cáo, các đối tượng Trương Văn T và Trịnh Văn T dùng vào việc sử dụng ma túy trái phép, không có giá trị nên sẽ tịch thu cho tiêu hủy. Đối với tờ tiền 10.000 đồng được quần tròn gắn với ống nhựa dài 06cm là công cụ bị cáo dùng để sử dụng trái phép chất ma túy nên sẽ tịch thu sung quỹ Nhà Nước.

Đối với chiếc điện thoại Nokia màu đen là phương tiện liên lạc phạm tội nên sẽ tịch thu đầu giá sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc sim lắp trong điện thoại Nokia (sim đã bị cắt) không có giá trị sử dụng nên sẽ tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng bị cáo bán ma túy cho Trương Văn T và Trịnh Văn T là tiền do phạm tội mà có, bị cáo đã tiêu sài hết lên sẽ truy thu sung quỹ Nhà Nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Trần Hữu H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Hữu H 02(Hai) năm 06(Sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày tạm giữ 04/6/2017.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 - BLHS; điểm a, c đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho hủy phong bì niêm phong mẫu vật sau giám định; 01 chiếc kéo bằng kim loại dài 8,5cm; 01 ống nhựa dài 10,5 cm; 01 ống nhựa dài 06cm; 01 công bằng thủy tinh; 01 chai nhựa; 01 bật lửa ga; chiếc sim lắp trong điện thoại Nokia màu đen.

Tịch thu cho đấu giá sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại Nokia màu đen đã cũ; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.000 đồng.

(Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động).

Truy thu của bị cáo H 1.000.000 đồng sung quỹ Nhà Nước.

Áp dụng Điều 357 BLDS: Kể từ ngày bản án hình sự có hiệu lực pháp luật, bị cáo chưa thi hành được khoản tiền truy thu sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án, lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Hữu H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày; bị cáo, người liên quan có mặt được tính kể từ ngày tuyên án; người liên quan vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA Toà án tỉnh.
- VKSND huyện Kim Động.
- CA huyện Kim Động.
- Bị cáo; người liên quan.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Hưng Yên.
- THADS huyện Kim Động.
- Sở tư pháp.
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thắng